



RSM DTL Auditing
Connected for Success

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG
VÀ CÔNG TY CON**

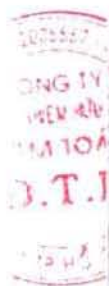
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám Đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán	3
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2012	4 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 26



CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG VÀ CÔNG TY CON BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chip Sáng, (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con (dưới đây gọi chung là Nhóm Công ty) đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Chip Sáng được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103004789 ngày 24 tháng 05 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 24 tháng 09 năm 2012.

Trụ sở được đặt tại Lô T2-4 Khu Công Nghệ Cao, Đường D1, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 80.290.800.000 đồng.

Đơn vị trực thuộc tính đến 31/12/2012 gồm có Chi nhánh Công ty Cổ phần Chip Sáng: Số 253 Điện Biên Phủ, Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Nhóm Công ty là:

- Cho thuê văn phòng.
- Mua bán thiết bị điện tử
- Đại lý dịch vụ viễn thông
- Lập trình máy tính, tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính.
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và các dịch vụ khác liên quan đến máy tính.
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan
- Cổng thông tin.
- Dịch vụ tối ưu hóa tìm kiếm, bộ lọc web, người đối thoại ảo, hệ thống tổng hợp và phân tích thông tin, hệ thống tiếp thị theo ngữ cảnh, thương mại điện tử.
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm.
- Quảng cáo, đại lý, môi giới, đấu giá.
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật.

2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Lương Văn Lý	Chủ tịch
Ông Nguyễn Anh Đức	Phó Chủ tịch
Bà Trần Thị Kim Quyên	Phó Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 29/08/2012)
Ông Phạm Hồng Kỳ	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Trung	Thành viên
Bà Hồ Mỹ Hòa	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Nguyễn Quang Trung	Tổng Giám đốc

3. Tình hình kinh doanh năm 2012

Các số liệu về tình hình kinh doanh năm 2012 được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán DTL.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG VÀ CÔNG TY CON

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

4. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Nhóm Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Nhóm Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính hợp nhất, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Nhóm Công ty từ khi kết thúc năm tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất và sổ sách, chứng từ kế toán của Nhóm Công ty.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Nhóm Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

5. Kiểm toán viên

Công ty kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Tập đoàn.

6. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bằng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên của Nhóm Công ty phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2013

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN QUANG TRUNG



Số: 13.308/BCKTHN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên được lập ngày 15 tháng 3 năm 2013 của Công ty Cổ phần Chíp Sáng (dưới đây gọi tắt là Công ty) và công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Nhóm Công ty) từ trang 04 đến trang 26 kèm theo. Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có sự đảm bảo hợp lý là các báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thủ nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh các thông tin trong báo cáo tài chính hợp nhất. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Nhóm Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2013

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC


PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



LỤC THỊ VÂN

Chứng chỉ KTV số 0172/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN



NGÔ THANH BÌNH

Chứng chỉ KTV số 0524/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG VÀ CÔNG TY CON**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		35.852.949.981	53.539.819.272
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	8.666.398.607	49.993.665.086
1. Tiền	111		1.466.398.607	1.800.331.753
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.200.000.000	48.193.333.333
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	13.500.000.000	
1. Đầu tư ngắn hạn	121		15.260.000.000	1.760.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(1.760.000.000)	(1.760.000.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5.3	6.329.401.645	2.001.771.972
1. Phải thu khách hàng	131		8.280.662.065	2.712.048.002
2. Trả trước cho người bán	132		12.000.000	1.312.232.000
3. Phải thu nội bộ	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		1.213.767.831	1.154.520.221
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(3.177.028.251)	(3.177.028.251)
IV. Hàng tồn kho	140	5.4	6.774.324.263	1.020.904.483
1. Hàng tồn kho	141		6.774.324.263	1.020.904.483
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		582.825.466	523.477.731
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		106.856.467	148.313.161
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		347.497.499	91.300.831
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			156.005.703
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		128.471.500	127.858.036

(phần tiếp theo trang 5)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG VÀ CÔNG TY CON**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		45.999.153.634	33.992.899.700
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		3.989.351.334	414.235.573
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.5	346.763.942	376.624.459
+ Nguyên giá	222		1.158.591.547	1.016.274.078
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(811.827.605)	(639.649.619)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
+ Nguyên giá	225			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.6	21.944.454	37.611.114
+ Nguyên giá	228		78.600.000	78.600.000
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(56.655.546)	(40.988.886)
4. Giá trị xây dựng cơ bản dở dang	230	5.7	3.620.642.938	
III. Bất động sản đầu tư	240			
+ Nguyên giá	241			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		40.456.683.960	31.876.259.635
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.8	40.456.683.960	31.876.259.635
3. Đầu tư dài hạn khác	258			
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.553.118.340	1.702.404.492
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		124.578.980	260.082.518
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	6.6	214.239.360	228.021.974
3. Tài sản dài hạn khác	268	5.9	1.214.300.000	1.214.300.000
VI. Lợi thế thương mại	269			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		81.852.103.615	87.532.718.972

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG VÀ CÔNG TY CON
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		7.675.463.554	4.937.046.743
I. Nợ ngắn hạn	310		3.936.189.444	1.151.177.983
1. Vay và nợ ngắn hạn	311			
2. Phải trả người bán	312	5.10	2.062.413.668	589.628.897
3. Người mua trả tiền trước	313	5.10	364.890.529	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.11	583.784.731	52.305.585
5. Phải trả người lao động	315	5.12	329.937.464	132.934.658
6. Chi phí phải trả	316		379.644.369	113.670.094
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		215.518.683	262.638.749
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323			
II. Nợ dài hạn	330		3.739.274.110	3.785.868.760
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.13	2.978.500.000	2.978.500.000
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			8.950.957
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	5.14	760.774.110	798.417.803
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		72.220.127.957	81.544.407.668
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.15.1	72.220.127.957	81.544.407.668
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.15.2	80.290.800.000	80.290.800.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		374.000.000	374.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414		(11.140.610.000)	
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		35.953.438	35.953.438
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		121.922.019	11.984.480
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		11.984.480	11.984.480
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		2.526.078.021	819.685.270
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
C. LỢI ÍCH CỘ ĐỒNG THIỂU SỐ	439	5.16	1.956.512.104	1.051.264.560
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		81.852.103.615	87.532.718.972

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG VÀ CÔNG TY CON BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		117.184.726	117.184.726
4. Nợ khó đòi đã xử lý		113.957.236	113.957.236
5. Ngoại tệ các loại + USD		15.151,37	2.094,83
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG



PHẠM THỊ PHƯƠNG THU

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN QUANG TRUNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG VÀ CÔNG TY CON
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		26.046.929.683	14.450.968.608
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		52.552.124	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	25.994.377.559	14.450.968.608
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	21.031.981.840	11.030.705.849
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.962.395.719	3.420.262.759
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	4.827.280.828	7.614.735.613
7. Chi phí tài chính	22		35.251.335	1.238.389.317
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		12.817.123	
8. Chi phí bán hàng	24		225.543.779	175.351.947
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.4	6.581.003.288	8.195.209.991
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.947.878.145	1.426.047.117
11. Thu nhập khác	31		291.741.970	1.538.007
12. Chi phí khác	32		2.156.539	
13. Lợi nhuận khác	40		289.585.431	1.538.007
14. Phần lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	50		(529.513.214)	2.198.750.777
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		2.707.950.363	3.626.335.901
16.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	61	6.5	1.334.727.455	484.817.689
16.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62	6.6	13.782.614	99.576.326
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		1.359.440.294	3.041.941.886
17.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	71		(401.629.051)	(210.895.440)
17.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	72		1.761.069.345	3.252.837.326
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty mẹ	80	5.15.4	222	405

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG



PHẠM THỊ PHƯƠNG THU

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN QUANG TRUNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ SÁNG VÀ CÔNG TY CON

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.707.950.363	3.303.844.758
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao tài sản cố định	02		195.390.198	186.041.196
Các khoản dự phòng	03			3.455.919.776
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.449.386.143)	(7.559.109.495)
Chi phí lãi vay	06		12.817.123	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(533.228.460)	(613.303.765)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(5.224.391.144)	(3.360.551.457)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(5.753.419.780)	(981.452.257)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		1.884.066.102	1.136.775.113
Tăng giảm chi phí trả trước	12		176.960.232	106.618.131
Tiền lãi vay đã trả	13		(12.817.123)	
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(645.290.239)	(546.407.695)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		55.500.000	
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(103.443.482)	(47.539.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		(10.156.063.893)	(4.305.861.830)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.343.250.885)	(251.070.092)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		2.650.000	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(13.500.000.000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(9.000.000.000)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.457.908.299	7.659.307.783
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(21.382.692.586)	7.408.237.691

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẬP SÁNG VÀ CÔNG TY CON**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		1.252.200.000	
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(11.040.710.000)	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		8.500.000.000	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(8.500.000.000)	
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(9.788.510.000)	
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(41.327.266.479)	3.102.375.861
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	49.993.665.086	46.891.289.225
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	5.1	8.666.398.607	49.993.665.086

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHẠM THỊ PHƯƠNG THU**TỔNG GIÁM ĐỐC****NGUYỄN QUANG TRUNG**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẬP SÁNG VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Bản thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Chập Sáng (dưới đây gọi tắt là Công ty) được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103004789 ngày 24 tháng 05 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 24 tháng 09 năm 2012.

Trụ sở được đặt tại Lô T2-4 Khu Công Nghệ Cao, Đường D1, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 80.290.800.000 đồng.

Đơn vị trực thuộc tính đến 31/12/2012 gồm có Chi nhánh Công ty Cổ phần Chập Sáng: Số 253 Điện Biên Phủ, Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty có đầu tư vào công ty con như được trình bày tại mục 1.4 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Nhóm Công ty).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

- Dịch vụ, thương mại.
- Triển khai các ứng dụng Internet, ứng dụng công nghệ thông tin – viễn thông.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Nhóm Công ty là:

- Cho thuê văn phòng.
- Mua bán thiết bị điện tử
- Đại lý dịch vụ viễn thông.
- Lập trình máy tính, tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính.
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và các dịch vụ khác liên quan đến máy tính.
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan.
- Cổng thông tin.
- Dịch vụ tối ưu hóa tìm kiếm, bộ lọc web, người đối thoại ảo, hệ thống tổng hợp và phân tích thông tin, hệ thống tiếp thị theo ngữ cảnh, thương mại điện tử
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm.
- Quảng cáo, đại lý, môi giới, đấu giá.
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật.

1.4. Danh sách công ty con được hợp nhất

<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u>
Công ty TNHH Chập Sáng và Ashmanov	Lầu 6, Tòa nhà BCIS, Lô T2-4 Khu Công Nghệ Cao, Đường D1, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh	70,00%	77,78%

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẬP SÁNG VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

1.5. Danh sách các công ty liên kết được tổng hợp quyền lợi vào báo cáo tài chính hợp nhất

<u>Tên công ty liên doanh, liên kết</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của Công ty</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của Công ty</u>
1. Công ty TNHH Sacom – Chip Sáng	Lô T2-4, Tầng 8 Đường D1, Khu Công Nghệ Cao, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh	30%	30%
2. Công ty Cổ phần Bán Dẫn Việt Nam	Số 10, Đường 18B, Khu phố 2, Phường Bình Hưng Hòa A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh	42%	42%

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Nhóm Công ty từ 01/01 đến 31/12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Nhóm Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Nhóm Công ty áp dụng hình thức kế toán là Chứng từ ghi sổ.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 – Đầu tư vào công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chip Sáng, báo cáo tài chính công ty con và phần quyền lợi của Công ty trong lãi, lỗ của các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

4.2. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gởi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

4.3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền (đối với thẻ cào điện thoại) và giá đích danh (đối với điện thoại di động).

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

4.6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	6 – 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5 năm
+ Phần mềm máy tính	2 – 3 năm

4.7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4.8. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thông kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Nhóm Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

4.9. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế:

Các quỹ dự trữ được trích lập theo quy định tại Điều lệ Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

4.10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.11. Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành
- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Ưu đãi, miễn giảm thuế: Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 431022000051 do Ban Quản lý Khu Công nghệ cao cấp ngày 28 tháng 9 năm 2011, Công ty TNHH Chip Sáng và Ashmanov được hưởng thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong 15 năm kể ngày doanh nghiệp mới thành lập từ dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh; được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm đầu kể từ khi doanh nghiệp hoạt động có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo.
- Các báo cáo thuế của các Công ty trong Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.12. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Nhóm Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Nhóm Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.13. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

4.14. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh đã được hồi tố cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính này:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Trích)

	Đầu năm (Phân loại lại)	Đầu năm (Đã được trình bày trước đây)
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	31.876.259.635	42.628.259.635
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	(10.752.000.000)

Nguyên nhân: hạch toán khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bán Dẫn Việt Nam theo phương pháp vốn chủ sở hữu (trước đây theo phương pháp giá gốc).

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Trích)

	Năm trước (Phân loại lại)	Năm trước (Đã được trình bày trước đây)
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(1.513.230.092)	(251.070.092)
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	1.262.160.000	-

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	85.262.968	2.352.290
Tiền gửi ngân hàng	1.381.135.639	1.797.979.463
Các khoản tương đương tiền	7.200.000.000	48.193.333.333
Tổng cộng	8.666.398.607	49.993.665.086

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng.

5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn	13.500.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn khác	1.760.000.000	1.760.000.000
Cộng giá gốc các khoản đầu tư ngắn hạn	15.260.000.000	1.760.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(1.760.000.000)	(1.760.000.000)
Giá trị thuần của đầu tư tài chính ngắn hạn	13.500.000.000	-

Đầu tư ngắn hạn khác là khoản cho Công ty Cổ phần Bán Dẫn Việt Nam vay – Xem thêm mục 7

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	8.280.662.065	2.712.048.002
Trả trước cho người bán	12.000.000	1.312.232.000
Các khoản phải thu khác	1.213.767.831	1.154.520.221
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	9.506.429.896	5.178.800.223
Dự phòng phải thu khó đòi	(3.177.028.251)	(3.117.028.251)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	6.329.401.645	2.001.771.972

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty. Trong đó, khoản phải thu các bên liên quan là 2.315.128.251 đồng – Xem thêm mục 7.

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu về lãi tiền gửi và cho vay	958.083.333	1.092.391.851
Các khoản phải thu khác	255.684.498	62.128.370
Cộng	1.213.767.831	1.154.520.221

Trong đó, khoản phải thu các bên liên quan là 861.900.000 đồng – Xem thêm mục 7

5.4. Hàng tồn kho

	Cuối năm	Đầu năm
Hàng mua đang đi đường	1.386.944.851	13.484.800
Công cụ, dụng cụ	55.000	-
Hàng hóa	5.387.324.412	1.007.419.683
Cộng giá gốc hàng tồn kho	6.774.324.263	1.020.904.483
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện	6.774.324.263	1.020.904.483

(phần tiếp theo trang 18)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẬP SÁNG VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	402.646.228	423.828.804	189.799.046	1.016.274.078
Mua trong năm	212.634.083	-	15.490.000	228.124.083
Thanh lý, nhượng bán	(85.806.614)	-	-	(85.806.614)
Số dư cuối năm	529.473.697	423.828.804	205.289.046	1.158.591.547
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	261.589.840	335.531.131	42.528.648	639.649.619
Khấu hao trong năm	78.707.114	70.638.132	30.378.292	179.723.538
Thanh lý, nhượng bán	(7.545.552)	-	-	(7.545.552)
Số dư cuối năm	332.751.402	406.169.263	72.906.940	811.827.605
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	141.056.388	88.297.673	147.270.398	376.624.459
Tại ngày cuối năm	196.722.295	17.659.541	132.382.106	346.763.942

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 179.853.719 đồng.

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Là phần mềm máy vi tính.

5.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là chi phí phát sinh liên quan đến hợp đồng chuyển giao công nghệ số 01/HĐ-CSA ngày 20/12/2011 giữa Công ty Cổ phần Ashmanov & Partners (Nga) và Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov, cụ thể như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Giá trị thanh toán theo hợp đồng chuyển giao công nghệ	2.516.160.000	-
Chi phí lương nhân viên dự án	1.104.482.938	-
Tổng cộng	3.620.642.938	-

5.8. Đầu tư vào công ty liên kết

Là khoản đầu tư vào Công ty TNHH Sacom - Chíp Sáng với tỷ lệ góp vốn 30%.

5.9. Tài sản dài hạn khác

Là khoản ký quỹ thuê văn phòng. Trong đó, khoản ký quỹ của các bên liên quan với số tiền là 1.209.300.000 đồng – Xem thêm mục 7.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.10. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	2.062.413.668	589.628.897
Người mua trả tiền trước	364.890.529	-
Tổng cộng	2.427.304.197	589.628.897

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Nhóm Công ty, được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả tiền bảo hành	563.436.167	563.436.167
Phải trả các nhà cung cấp khác	1.498.977.501	26.192.730
Tổng cộng	2.062.413.668	589.628.897

5.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	533.431.513	-
Thuế thu nhập cá nhân	50.353.218	52.305.585
Tổng cộng	583.784.731	52.305.585

5.12. Phải trả người lao động

Là khoản phải trả lương tháng 13 và thưởng năm 2012 còn phải trả.

5.13. Phải trả dài hạn khác

Là các khoản nhận ký quỹ, ký cược cho thuê mặt bằng.

5.14. Doanh thu chưa thực hiện

Là khoản khách hàng trả trước tiền thuê văn phòng.

(phần tiếp theo trang 20)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.15. Vốn chủ sở hữu

5.15.1 Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	80.290.800.000	374.000.000	-	35.953.438	11.984.480	11.984.480	(2.110.660.913)	78.614.061.485
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	-	3.252.837.326	3.252.837.326
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(322.491.143)	(322.491.143)
Số dư đầu năm nay	80.290.800.000	374.000.000	-	35.953.438	11.984.480	11.984.480	819.685.270	81.544.407.668
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	1.761.069.345	1.761.069.345
Tăng do hợp nhất Công ty liên kết	-	-	-	-	109.937.539	-	-	109.937.539
Tăng thay đổi tỷ lệ vốn góp	-	-	-	-	-	-	(54.676.595)	(54.676.595)
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(11.140.610.000)	-	-	-	-	(11.140.610.000)
Số dư cuối năm nay	80.290.800.000	374.000.000	(11.140.610.000)	35.953.438	121.922.019	11.984.480	2.526.078.021	72.220.127.958

Trong năm 2012, Công ty đã mua lại cổ phiếu theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHCD/2012 của Đại hội đồng cổ đông với số lượng 1.114.061 cổ phiếu và giá mua là 10.000 đồng/Cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.15.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Cuối năm	Đầu năm
Vốn góp của cổ đông sáng lập	21.965.000.000	21.965.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	58.325.800.000	58.325.800.000
Tổng cộng	80.290.800.000	80.290.800.000

5.15.3. Cổ phần

▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	8.029.080	8.029.080
▪ Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	1.114.061	8.029.080
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	6.915.019	8.029.080
▪ Mệnh giá cổ phần phổ thông đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.		

5.15.4. Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phần

	Năm nay	Năm trước
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	1.761.069.345	3.252.837.326
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	7.934.461	8.029.080
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	222	405

5.16. Lợi ích cổ đông thiểu số

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	1.051.264.560	-
Tăng lợi ích cổ đông thiểu số từ hợp nhất kinh doanh	54.676.595	-
Vốn góp của cổ đông thiểu số tăng trong năm	1.252.200.000	1.262.160.000
Lợi nhuận thuần phân bổ cho lợi ích cổ đông thiểu số	(401.629.051)	(210.895.440)
Số dư cuối năm	1.956.512.104	1.051.264.560

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	14.011.256.145	2.288.412.882
Doanh thu cho thuê văn phòng	10.215.961.611	10.658.936.829
Doanh thu khác	1.819.711.927	1.503.618.897
Hàng bán trả lại	(52.552.124)	-
Doanh thu thuần	25.994.377.559	14.450.968.608

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	9.877.381.932	2.114.791.918
Giá vốn cho thuê văn phòng	7.326.307.852	7.119.617.287
Giá vốn khác	3.828.292.056	1.796.296.644
Tổng cộng	21.031.981.840	11.030.705.849

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

Là lãi tiền gửi ngân hàng.

6.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	4.334.968.618	3.846.855.869
Chi phí đồ dùng văn phòng	325.451.045	212.290.632
Chi phí khấu hao	169.102.621	151.004.815
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	2.223.919.776
Chi phí dịch vụ mua ngoài	712.448.379	854.829.177
Chi phí khác	1.039.032.625	906.309.722
Tổng cộng	6.581.003.288	8.195.209.991

6.5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	2.707.950.363	3.626.335.901
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	1.480.556.434	1.348.035.805
Trừ các khoản điều chỉnh giảm	(912.087.897)	(1.310.393.201)
Chuyển lỗ	-	(228.941.773)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	3.276.418.900	3.435.036.732
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	1.334.727.455	484.817.689
Chi phí thuế TNDN phải nộp trong năm	1.334.727.455	484.817.689

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí được trừ khi tính thuế.

6.6. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại, thuế TNDN hoãn lại phải trả của Nhóm Công ty và những biến động trong năm và năm trước được trình bày như sau:

Số dư đầu năm trước	327.598.300
Hạch toán là thu nhập (chi phí) trong kết quả kinh doanh năm trước	(99.576.326)
Số dư đầu năm nay	228.021.974
Hạch toán là thu nhập (chi phí) trong kết quả kinh doanh năm nay	(13.782.614)
Số dư cuối năm nay	214.239.360

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	214.239.360	228.021.974
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	-	-
Tổng cộng	214.239.360	228.021.974

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẬP SÁNG VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

6.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí đồ dùng văn phòng	174.489.199	212.290.632
Chi phí nhân công	4.342.968.618	3.846.855.869
Chi phí khấu hao tài sản cố định	195.390.198	186.041.196
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.734.683.803	11.885.535.026
Chi phí khác bằng tiền	4.929.824.417	3.270.545.064
Tổng cộng	28.377.356.235	19.401.267.787

7. Thông tin về các bên có liên quan

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty:

Tên công ty	Mối quan hệ
1 Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov	Công ty con
2 Công ty TNHH Sacom – Chíp Sáng	Công ty liên kết
3 Công ty Cổ phần Bán Dẫn Việt Nam	Công ty liên kết
4 Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Sài Gòn Co-op	Công ty có cùng cổ đông sáng lập
5 Liên hiệp hợp tác xã thương mại TP. Hồ Chí Minh	Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể

- Giao dịch giữa Công ty và công ty con, đã được loại trừ trong quá trình hợp nhất.
- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư với các công ty liên kết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Cho vay – Xem thêm mục 5.2	1.760.000.000	1.760.000.000
Phải thu – Xem thêm mục 5.3	3.177.028.251	3.177.028.251
Ký quỹ – Xem thêm mục 5.9	1.209.300.000	1.209.300.000
Tổng cộng	6.146.328.251	6.146.328.251

- Bản chất các giao dịch với công ty liên kết và giá trị giao dịch trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Bán hàng	3.168.354.038	692.144.542
Mua hàng	5.810.043.988	5.647.727.272
Góp vốn	9.000.000.000	-

- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban quản lý:

	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị và thu nhập Ban quản lý	834.975.600	678.111.475

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

8. Cam kết theo các hợp đồng thuê hoạt động

Nhóm Công ty thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có kỳ hạn trung bình là 3 năm, với tiền thuê cố định mỗi kỳ.

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong năm	5.810.043.987	5.647.727.273

Tại ngày 31/12/2012, Nhóm Công ty có các khoản cam kết phải trả đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	-	6.248.400.000
Trên 1 năm đến 5 năm	8.057.175.000	8.851.900.000
Tổng cộng	8.057.175.000	15.100.300.000

9. Công cụ tài chính

▪ Quản lý rủi ro vốn

Nhóm Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Nhóm Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Nhóm Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

▪ Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Nhóm Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.12.

▪ Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	01/01/2012
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.666.398.607	49.993.665.086
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6.097.034.537	396.919.751
Đầu tư ngắn hạn	13.500.000.000	-
Tài sản tài chính khác	1.243.000.000	2.460.020.221
Tổng cộng	29.506.433.144	52.850.605.058
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	5.202.969.540	3.830.767.646
Chi phí phải trả	379.644.369	113.670.094
Tổng cộng	5.582.613.909	3.944.437.740

▪ Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Nhóm Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

▪ Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Nhóm Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Nhóm Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Nhóm Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Nhóm Công ty chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ theo nguyên tệ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2012	01/01/2012	31/12/2012	01/01/2012
Đô la Mỹ (USD)	66.590,40	-	15.151,37	2.094,83

Quản lý rủi ro lãi suất

Nhóm Công ty chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Nhóm Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Nhóm Công ty vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Nhóm Công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

▪ Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Nhóm Công ty. Nhóm Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Nhóm Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Nhóm Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Nhóm Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Nhóm Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Nhóm Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Nhóm Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn còn lại theo hợp đồng đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Nhóm Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Nhóm Công ty phải trả.

31/12/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán và phải trả khác	2.224.469.540	2.978.500.000	5.202.969.540
Chi phí phải trả	379.644.369	-	379.644.369
01/01/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán và phải trả khác	852.267.646	2.978.500.000	3.830.767.646
Chi phí phải trả	113.670.094	-	113.670.094

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Nhóm Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đảo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đảo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lại từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Nhóm Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6.097.034.537	-	6.097.034.537
Đầu tư ngắn hạn	13.500.000.000	-	13.500.000.000
Tài sản tài chính khác	33.700.000	1.209.300.000	1.243.000.000

01/01/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng	396.919.751	-	396.919.751
Tài sản tài chính khác	71.200.000	1.209.300.000	1.280.500.000

10. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

11. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 15 tháng 03 năm 2013.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG



PHẠM THỊ PHƯƠNG THU

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN QUANG TRUNG